

GIAO LƯU VÀ HỘI NHẬP TRONG LỊCH SỬ VĂN CHƯƠNG VIỆT

PHONG LÊ*

Tóm tắt: Giao lưu và hội nhập trong lịch sử văn chương Việt Nam là quá trình tiếp thu những tinh hoa văn hóa của nhân loại để làm phong phú thêm nội dung, hình thức, đồng thời khẳng định bản sắc dân tộc. Giao lưu và hội nhập trong lịch sử văn chương Việt được thể hiện qua các thời kì lịch sử, đặc biệt là thời kì Đổi mới, khi văn chương Việt Nam tiếp nhận các trào lưu, kĩ thuật hiện đại, dịch thuật phong phú, và nhà văn phải thích ứng với cơ chế thị trường để sáng tác, tạo nên những thành tựu to lớn. Bài viết đề cập cụ thể đến quá trình giao lưu, hội nhập của văn học Việt Nam với văn học khu vực, văn học thế giới và sức sống bền bỉ của văn hóa dân tộc qua các thời kì phát triển của lịch sử.

Từ khóa: Giao lưu, hội nhập, tiếp nhận, trào lưu, văn học Việt Nam.

EXCHANGE AND INTEGRATION IN THE HISTORY OF VIETNAMESE LITERATURE

Abstract: The history of Vietnamese literature demonstrates a continuous process of cultural exchange and integration, enriching both content and form while affirming national identity. This dynamic is evident across historical periods, especially during the Đổi Mới (Renovation) era. During this time, Vietnamese literature adopted modern movements and techniques, expanded translation efforts, and saw writers adapt to the market economy, resulting in notable literary achievements. This paper examines how Vietnamese literature integrates with regional and global literary landscapes, emphasizing the enduring strength of national culture throughout its development.

Keywords: Exchange, integration, reception, literary movements, Vietnamese literature.

Ngày nhận bài: 20.12.2025; ngày gửi phản biện: 25.12.2025;

ngày nhận bài sửa: 10.01.2026; ngày duyệt đăng: 10.02.2026.

Cho đến hết thế kỉ XX, đất nước ta đã trải qua ít nhất là hai cuộc hội nhập lớn với khu vực và thế giới.

Cuộc hội nhập lần thứ nhất là hội nhập dân tộc vào khu vực Đông Á diễn ra trong quá trình xâm lược và thống trị của Trung Hoa kéo dài suốt 2000 năm, trong đó 1000 năm đầu, nước ta trở thành thuộc địa, 1000 năm sau là tự chủ. Với chiều dài lịch sử hàng ngàn năm và sự chênh lệch về lực lượng như thế mà cha ông ta vẫn giành được, rồi giữ được sự độc lập về tinh thần và văn hóa là điều phi thường. Điều đáng quan tâm là cách cha ông chúng ta tiếp nhận văn hóa Trung Hoa - trong tư cách là cái nôi của văn minh phương Đông, để xây dựng văn chương - học thuật dân tộc với các mô hình chính trị và quản lí nhà nước, với hệ ý thức Nho giáo, với

* GS. - Viện Văn học. Email: phongle.vh@gmail.com

chữ Hán - đề từ chữ Hán mà có chữ Nôm; và hai loại chữ viết này cùng với nền văn học dân gian in đậm bản sắc dân tộc đã hình thành một nền văn chương - học thuật có lịch sử ít nhất là 1000 năm (từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX), với những đỉnh cao như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Quý Đôn, Nguyễn Du, Phan Huy Chú, Cao Bá Quát, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến,... Như vậy là từ trạng thái bị cưỡng chế, rồi chuyển sang chủ động, dân tộc và văn chương dân tộc vẫn tạo được một gương mặt riêng trong bối cảnh Đông Á.

Cuộc hội nhập lần thứ hai là cuộc hội nhập với văn minh phương Tây, cũng vẫn là một sự cưỡng chế - và không tránh được, theo cách nói của Marx trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, Nó - giai cấp tư sản, “đã bắt các dân tộc nông dân phụ thuộc vào các dân tộc tư sản. Bất phương Đông phụ thuộc vào phương Tây”¹. Nhưng trong cưỡng chế, đề từ xã hội phong kiến chuyển sang xã hội bán phong kiến - thuộc địa, nền văn hóa và văn chương - học thuật dân tộc vẫn có cơ hội để đạt được một trình độ cao hơn, trước hai yêu cầu văn minh và dân chủ mà thời đại đặt ra, do sự xuất hiện của giai cấp tư sản và các cuộc cách mạng tư sản trong lịch sử. Đó là một bước ngoặt lớn của văn minh nhân loại, nhằm lật đổ mọi uy lực của thế quyền và thần quyền, đem lại một sự giải phóng lớn cho xã hội - giải phóng cá nhân; cho con người biết đến niềm hạnh phúc được tự do (qua khẩu hiệu: Tự do - Bình đẳng - Bác ái) trước hết là tự do thân thể, và những thứ hạnh phúc mà mỗi con người sinh ra ở đời đều có quyền được hưởng trong những giới hạn mà lịch sử đấu tranh giai cấp cho phép, để làm nên gương mặt thời hiện đại. Thời hiện đại là thời chủ nghĩa thực dân áp đặt sự thống trị lên thế giới người da màu, trong đó có Việt Nam; nhưng ngay trong xã hội thuộc địa - xã hội được kiến lập theo mô hình phương Tây, vẫn có những *khoảng sống và khoảng sáng văn minh* hơn xã hội phong kiến chuyên chế. Điều đó giúp ta hiểu vì sao, trong cuộc hội nhập lần thứ hai - cuộc hội nhập làm nên bước chuyển từ mô hình trung đại sang mô hình hiện đại vào cuối thế kỉ XIX sang nửa đầu thế kỉ XX, sinh hoạt văn hóa, tinh thần và nền văn chương học thuật dân tộc đã đạt được những thành tựu kì diệu với chữ Quốc ngữ, phong trào báo chí - xuất bản, Thơ mới, tiểu thuyết Tự Lực văn đoàn, văn học hiện thực và những công trình biên khảo, nghị luận, phê bình sáng giá,...

Cuộc hội nhập lớn với phương Tây đã đem lại những kết quả ngoạn mục cho tiến trình hiện đại hóa và kết thúc ở thời điểm Cách mạng tháng Tám năm 1945 thiết lập nền chính trị Dân chủ Cộng hòa. Tiếp sau đó là một cuộc hội nhập có quy mô khu vực của dân tộc với phe xã hội chủ nghĩa, trong một thế giới chia đôi - kể từ 1950 đến 1975 trên miền Bắc, và cho đến 1990 trên phạm vi cả nước, khi Liên Xô và phe xã hội chủ nghĩa tan vỡ. Hội nhập với phe xã hội chủ nghĩa và trong thế đối đầu với thế giới phương Tây - nền văn chương học thuật dân tộc trong ngót 50 năm kể từ sau 1945, dù vẫn còn không ít hạn chế nhưng đã thu được những thành tựu mới và đáp ứng yêu cầu của hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ kéo dài hơn 30 năm.

Như vậy, trong khuôn khổ, quy mô và sự nối dài của cuộc hội nhập lần thứ hai có độ dài hơn một thế kỉ, dân tộc và văn hóa dân tộc đã tạo được hai bước chuyển quan trọng: một là từ tình trạng bế quan tỏa cảng, khép kín đối với mọi nền văn minh khác mình (mô hình Trung Hoa) buộc phải mở cửa cho văn minh phương Tây xâm nhập vào nửa cuối thế kỉ XIX sang

¹ Karl Marx và Friedrich Engels, *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2017), 84.

đầu thế kỉ XX; và hai là từ “phe” (trong một thế giới chia đôi) mà hòa vào một thế giới đang tan băng, đề đến với những mục tiêu mà cả nhân loại cùng theo đuổi, và thoát ra khỏi thế cô lập cục bộ với nhân loại trong thập niên cuối thế kỉ XX.

Từ đầu thế kỉ XXI, dân tộc và văn hóa dân tộc lại đứng trước yêu cầu của một cuộc hội nhập lớn lần thứ ba - cuộc hội nhập mang tính toàn cầu. Đây là lần thứ ba, bởi theo cách nghĩ của giới khoa học phương Tây, nhân loại đã trải qua hai cuộc Toàn cầu hóa. Cuộc thứ nhất bắt đầu từ năm 1492 - năm Christopher Columbus phát hiện ra châu Mỹ cho đến năm 1800 - 11 năm sau Cách mạng Tư sản Pháp (1789). Cuộc thứ hai kéo dài từ năm 1800 cho đến năm 2000, cũng 11 năm sau sự kiện bức tường Berlin sụp đổ (1989). Trong cả hai lần Toàn cầu hóa này, Việt Nam còn là một nước lạc hậu đứng ngoài guồng văn minh nhân loại, bởi còn phải tập trung toàn lực để giành và giữ quyền độc lập dân tộc. Và bây giờ là cuộc Toàn cầu hóa lần thứ ba gắn với Kỷ nguyên Thông tin và Cách mạng số, bắt đầu từ năm 2000, Việt Nam đã có một *cơ hội*, và trong *tư thế chủ động*, để bước vào cùng một *phòng chờ* với nhiều dân tộc khác trên thế giới. Đó là một may mắn của lịch sử. Để không chậm trễ và bỏ lỡ cơ hội, ta phải biết cách làm bạn với cả thế giới, và phải biết cách đi tắt, đón đầu. Đó là điều khó tránh. Nhưng đi tắt, đón đầu là phải bỏ qua nhiều khâu, nhiều giai đoạn quan trọng, là phải đốt cháy giai đoạn, và khó tránh vi phạm những bước tiến theo quy luật tự nhiên của lịch sử. Kinh nghiệm của những bút phá, những đại nhảy vọt, những cuộc cách mạng với những cái tên rất kêu, và một hệ thống lí thuyết nằm trong các đường lối, cương lĩnh, nghị quyết đậm đặc ý chí luận đã gây ra bao đứt gãy với truyền thống và mất gốc rễ lịch sử. Do vậy, nếu ở các lĩnh vực sản xuất vật chất, khoa học, công nghệ cần phải nhanh gấp đến với các mục tiêu tiên tiến, thì ở lĩnh vực văn hóa, tinh thần lại cần biết cách điều chỉnh, cân bằng để tạo một môi sinh thuận theo tâm lí, thói quen, văn hóa ứng xử, không đột ngột cắt đứt với truyền thống của cha ông. Ở đây, bài học về khả năng rút ngắn con đường đi và khả năng nhảy vọt của kinh tế, kĩ thuật ở Nhật Bản quả là đầy sức thuyết phục. Đó là bài học không cắt đứt đột ngột với quá khứ mà biết giữ gìn và tiếp nối quá khứ, trong sự nhận thức vai trò của Khổng giáo và việc sử dụng tầng lớp quý tộc Samurai - nguồn cung cấp đội ngũ cán bộ chủ chốt cho công cuộc canh tân. Bài học về sự huy động sức mạnh tổng hợp của đạo lí truyền thống và khoa học, của văn hóa và công nghệ, được đúc kết trong phương châm “Kĩ thuật phương Tây, đạo lí Nhật Bản”. Những cái giá phải trả nếu chỉ chọn duy nhất con đường Âu hóa, như trong thế kỉ qua, tức là con đường chỉ đơn thuần dựa vào vốn, vào kĩ thuật và công nghệ của nước ngoài mà coi nhẹ hoặc bất chấp văn hóa bản địa, bất chấp nền móng dân tộc như đã diễn ra ở một số khu vực của thế giới thứ ba sẽ dẫn ngay đến sự suy thoái kinh tế cùng biết bao hậu quả xã hội khác nữa.

Khảo sát nền văn hóa dân tộc trong thời trung đại cho ta thấy người Việt đã tiếp nhận ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa mà vẫn giữ được gốc Việt, không bị đồng hóa trong cả nghìn năm Bắc thuộc, không chịu khuất phục trong cả nghìn năm tự chủ. Ngót một trăm năm chịu sự xâm lăng và thống trị của thực dân Pháp, với sự tiếp nhận những giá trị văn hóa và tinh thần đến từ phương Tây, ta đã nhanh chóng tạo được một nền văn chương - học thuật hiện đại, trong gắng gỏi đuổi kịp với trình độ chung của thế giới mà không bị loại ra khỏi các cuộc đua trên đại lộ của văn minh toàn cầu.

Vậy là dấu có khép kín trong tình trạng bị lệ thuộc hoặc tìm đến các mối giao lưu hẹp hoặc rộng nhằm thoát khỏi tình thế bị phong bế, nhưng trong lịch sử hơn hai nghìn năm, văn học Việt Nam đã tồn tại như là một biểu hiện của sức sống và bản lĩnh dân tộc. Nói cách khác, dân tộc Việt Nam đã có một lịch sử tồn tại và một lịch sử văn học minh chứng cho sự tồn tại đó qua rất nhiều thử thách, và bây giờ đang đứng trước một thử thách mới – thử thách của sự hội nhập trong quy mô Toàn cầu hóa và Kỷ nguyên thông tin.

Lịch sử cho thấy dân tộc Việt Nam đã biết cách tiếp nhận những tinh hoa của nhân loại qua các nền văn minh lớn, gần và xa. Tiếp nhận trước hết có nghĩa là chọn lựa những gì thích hợp và chuyển hóa thành của mình theo phương thức dân tộc hóa và bản địa hóa. Nhưng đứng trước một nền văn minh có trình độ cao hơn thì việc chọn mô hình cũng khó tránh khỏi sự mô phỏng, bắt chước, và đó là con đường đã diễn ra trong hơn một nghìn năm lịch sử thời trung đại và ngót một trăm năm thời hiện đại cho đến 1945. Thế kỉ XVIII, nhà bác học Lê Quý Đôn (1726-1784) so văn chữ Hán của người Việt với Hán văn của người Trung Hoa với niềm tự hào: “Không khác gì cổ nhân”; và nhận xét về hai triều Lí Trần “tinh anh, nhân tài, khí cách văn chương không khác gì Trung Quốc”. Cũng như vậy, sang thế kỉ XIX, thơ văn Tiền Hán và Thịnh Đường vẫn là cái đích cho một ông vua khen ngợi các triều thần của mình: “Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán; Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh Đường”¹... Thời hiện đại, một phong trào lớn như Thơ mới đã xuất hiện dưới ảnh hưởng của mấy trào lưu nghệ thuật phương Tây - từ lãng mạn đến tượng trưng, siêu thực; và những dấu ấn của chủ nghĩa hiện thực và chủ nghĩa tự nhiên thế kỉ XIX đã in dấu khá rõ trong nhiều tác gia hiện thực Việt Nam như Vũ Trọng Phụng, Nam Cao,... Tất nhiên bản sắc riêng của dân tộc gắn với cá tính sáng tạo của tác giả vẫn là nhân tố quan trọng hàng đầu, khiến cho những gì thật sự có giá trị đều thoát ra khỏi được dấu ấn vay mượn.

Hơn nửa thế kỉ văn học từ sau 1945 phát triển dưới ảnh hưởng (hoặc áp lực) của khuynh hướng hiện thực xã hội chủ nghĩa có gốc rễ từ Liên Xô (cũ) cũng đã in dấu ấn của nó vào văn học miền Bắc sau 1955 đến 1975 và cả nước từ 1975 đến cuối thập niên 1990,... trong sự đồng hành của vài ba thế hệ viết – kể từ thế hệ tiền chiến đến thế hệ cuối chống Mĩ.

Còn bây giờ là sự chuyển giao đội ngũ cho một thế hệ mới sinh ra sau kết thúc chiến tranh – kể từ 8X qua 9X, với tác động của các mối giao lưu thực sự là rộng rãi và cởi mở hơn bất cứ giai đoạn nào trước đây. Đó là cơ sở cho sự tiếp cận với các trào lưu của chủ nghĩa hiện đại và hậu hiện đại mà nhiều chục năm trong và sau chiến tranh văn học ta còn xa lạ, hoặc xa lánh.

Thế nhưng, nếu xét kết quả của các mối giao lưu trên cả hai chiều – sức hút và sức tỏa, nhận và cho, thì phải nói sức tỏa và chiều cho của văn học Việt Nam là còn rất khiêm tốn, nếu không nói là chưa có, trong so sánh với những nền văn học trước đây có cùng khởi điểm hoặc cùng mô hình với ta như Nhật Bản hoặc Hàn Quốc.

Năm 1998, sang Bắc Kinh, thăm và làm việc ở ba nơi là Sở Nghiên cứu văn học Trung Quốc, Sở Văn học thế giới và Hội Nhà văn, chúng tôi được biết bạn đọc của đại lục Trung Hoa

¹ Câu này còn có một dị bản: “Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán; Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh Đường”. Có tài liệu cho rằng hai câu này là của Vua Tự Đức, có tài liệu lại cho rằng hai câu này của dân gian.

nói chung vẫn chỉ mới biết văn học Việt Nam qua các bản dịch *Từ tuyến đầu Tổ quốc*, *Sống như Anh* và tác phẩm *Ngục trung nhật kí* nguyên bản. Năm 2006, khi được hỏi về văn học Việt Nam, nhà văn Vương Mông – Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Trung Quốc đã xin lỗi và nói là chỉ mới biết văn học Việt Nam qua *Truyện Kiều* và Nguyễn Đình Chiểu. Có thể thấy, Trung Quốc là đất nước lớn ở kề cạnh có quan hệ lâu đời với ta nhưng văn học Việt Nam chưa phải là mối quan tâm của họ so với văn học Nhật Bản, Hàn Quốc.

Còn về một số nước phương Tây – gồm cả Mỹ, Canada và Australia, nơi có rất đông người Việt Nam cư ngụ thì theo Trần Thiện Đạo (1933-2017), “số người quan tâm đến văn học Việt Nam ở phương Tây chỉ giới hạn ở 3 khu vực hẹp: đó là giới báo chí, giới nghiên cứu Việt Nam học và một bộ phận người Việt xa quê. Và sự quan tâm đó, ở họ, có bộ phận là mang màu sắc chính trị”¹. Nếu đúng là như vậy thì lí do cơ bản của việc dịch và cổ vũ dành cho một số tác giả đương đại có lẽ không hoàn toàn bởi các giá trị nghệ thuật và nhân văn đích thực, có ý nghĩa nhân loại khiến cho thế giới phải quan tâm và sùng sốt.

Nhìn rộng ra khỏi văn học thì ở các lĩnh vực khác như âm nhạc, hội họa, điện ảnh,... sự tiếp nhận những cái mới, cái lạ của thế giới giờ đây là hoàn toàn thông thoáng, gần như không có trở ngại nào. Chẳng hạn, các ngôi sao âm nhạc, điện ảnh, thời trang, người mẫu của khu vực và thế giới luôn luôn được cập nhật và đón đợi nồng nhiệt trong giới trẻ ở Việt Nam, đến nỗi, Bộ Giáo dục phải đưa ra lời cảnh báo trong việc chọn một đề thi bậc tốt nghiệp trung học phổ thông cho các sĩ tử là cần phân biệt thế nào là ngưỡng mộ, thế nào là sự mê muội. Còn về phía ngược lại thì những chuyến lưu diễn hoặc những giải thưởng thỉnh thoảng được trao cho một tác giả hoặc một tác phẩm nào đó trong văn học hoặc điện ảnh, sân khấu chưa đủ cho ta tin văn học - nghệ thuật Việt Nam đã có đủ sức tỏa và khả năng đóng góp như một thương hiệu trong khu vực, chưa nói đến thế giới.

Hiện trạng trên cần được giải thích bằng nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân cơ bản có lẽ là do nội lực của ta chưa đủ mạnh. Để có một nội lực mạnh, cần nhiều hơn những chuyển động tích cực và đồng bộ mọi phương diện của đời sống chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội.

Bên cạnh một nội lực lớn mà ta chưa đủ độ thì việc định vị các mục tiêu, và xác định nơi đâu là đích đến cho văn học - nghệ thuật Việt Nam trong giai đoạn mới cũng nên là mối quan tâm cho các giới sáng tác và lí luận - phê bình.

Kể từ đầu thế kỉ mới, Toàn cầu hóa đã là hướng đi chung, là mục tiêu chung, cho tất cả các khu vực, các dân tộc trên thế giới, xét về kinh tế và xã hội, về khoa học và công nghệ. Nhưng xét về văn hóa, văn học, nghệ thuật, thì một khuôn mặt chung như thế cho tất cả là không ổn, thậm chí là không thể chấp nhận. Gắn với đời sống tinh thần và tâm lí con người, gắn với bản sắc riêng của dân tộc vốn có lịch sử rất khác nhau, văn học mỗi dân tộc như đã diễn ra trong lịch sử, đều có cách đi và gương mặt riêng của nó khiến cho Tây Âu hoặc Bắc Mỹ - trung tâm của chủ nghĩa tư bản hiện đại, cũng có mặt khác với Bắc Âu và Đông Âu; càng khác với khu vực Mỹ Latin, Trung Hoa và Ấn Độ,... Văn học mỗi dân tộc có sứ mệnh trước lịch sử của dân tộc mình và công chúng của chính nước mình, chứ đâu phải viết cho công chúng thế giới, hoặc

¹ Trần Thiện Đạo, *Văn nghệ - những nụ cười giòn* (Hà Nội: NXB Hội Nhà văn, 2004).

“ăn theo” công chúng thế giới. Là người Việt Nam, chẳng ai phải xấu hổ khi so sánh Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) với F. Dostoievsky (1821-1881), hoặc Nguyễn Khuyến (1835-1909) với L. Tolstoy (1828-1910) vốn là những người cùng thời với nhau; cũng không phải xấu hổ khi so sánh Vũ Trọng Phụng (1912-1939) với A. Camus (1913-1960),... Có nghĩa là việc đòi hỏi văn học Việt Nam phải phát triển theo mô hình và đạt cái đích đến của văn học phương Tây hiện đại khi mà nhu cầu của thực tiễn và công chúng là chưa có hoặc chưa đến thì thật là không thể và không phải lẽ.

Thế giới trong xu thế hội nhập và Toàn cầu hóa hôm nay đang chứng kiến sự xích lại gần nhau giữa các khu vực, các quốc gia, các dân tộc. Khó mà hình dung gương mặt mới của đất nước trong tương lai sẽ thế nào, nếu trở lại hình ảnh người phụ nữ mặc áo tứ thân đầu thế kỉ trước, để so với các loại mặt của phụ nữ hôm nay; nếu đứng ở nạn đói hai triệu người chết năm 1945, hoặc nạn đói với gương mặt của “người mất số gạo” những năm 1980 mà nhìn các tiệc nhậu tràn trề bia rượu nơi thế giới ẩm thực trên khắp các phố xá, làng mạc bây giờ.

Thế nhưng, bên cạnh sự thay đổi khó hình dung nổi của đời sống vật chất, thì đời sống tinh thần - dù có thay đổi theo - vẫn có những vùng, miền ổn định. Khi các làn điệu dân ca trên đất nước vẫn còn thì 54 dân tộc anh em trên đất nước ta sẽ không thể có gương mặt chung của người Kinh; và người gốc Nghệ Tĩnh là tôi vẫn có chút phân biệt, không giống với người xứ Quảng và Nam Bộ. Hẳn là thế, đọc Mạc Ngôn đương đại vẫn nhận ra nét cổ điển trong truyền thống văn học Trung Hoa, chứ không lẫn với F. Kafka hoặc G.G. Marquez,...

Trở về với văn học Việt Nam, sau hơn một thế kỉ phát triển trên con đường hiện đại hóa, trong hội nhập từng bước với phương Tây, chúng ta đã dần dần rút ngắn được những so le vẫn còn là lớn giữa dân tộc và thời đại. Trên con đường hướng tới những cái đích xa hơn, nhằm vào công bằng xã hội và hạnh phúc của con người, nhằm vào sự giải phóng và phát triển con người, văn học mỗi dân tộc phải biết cách dựa vào bản sắc và bản lĩnh của chính mình để có thể theo kịp người, mà không tự đánh mất mình, như đã diễn ra trong lịch sử.

Rõ ràng, thành tựu và bước tiến trong xu thế hội nhập của đất nước trong 40 năm qua cho ta thấy: mọi khát vọng đổi mới đều rất đáng trân trọng và rất cần được ghi nhận trên từng chặng hành trình của văn học dân tộc. Hành trình đó đã được xác nhận bởi nỗ lực của nhiều thế hệ người viết, như trong một cuộc chạy tiếp sức – có người là cả một đời viết, có người chỉ là một cuốn tiểu thuyết, một tập truyện ngắn, hoặc chỉ một bài thơ. Có người như một ánh sao băng rực sáng, còn số rất đông người thì âm thầm rồi trở thành vô danh trong lịch sử. Từ những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ trong nửa sau thế kỉ XIX qua *Thư gửi Toàn quyền Beau* của Phan Chu Trinh, *Hải ngoại huyết thư* của Phan Bội Châu, rồi *Đông Dương thức tỉnh* và *Bản án chế độ thực dân Pháp* của Nguyễn Ái Quốc nửa đầu thế kỉ XX; từ *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của Nguyễn Đình Chiểu, thơ Nguyễn Khuyến, Tú Xương đến văn thơ Tân Đà, truyện của Hoàng Ngọc Phách, tiểu thuyết và truyện ngắn của Ngô Tất Tố, Khải Hưng, Nguyễn Công Hoan, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao..., khát vọng thức tỉnh và đổi mới đất nước không lúc nào ngừng nghỉ trong hành trình của văn học dân tộc. Bây giờ thì con tàu của dân tộc đã thực sự lên đường để cùng chung chuyến với nhiều bạn đường trên thế giới, sau những đợt phá để rút ngắn khoảng cách với thế giới bên ngoài. Nhìn vào hiện tại thấy còn bao ngổn

ngang, bề bộn trước yêu cầu của lịch sử; nhưng nhìn lại lịch sử, chỉ trong khoảng hơn một thế kỉ, sau khi khởi động văn học Quốc ngữ, trên từng chặng một, có phải là văn học ta đã đi được một hành trình dài, sau 10 thế kỉ trung đại gần như đứng yên một chỗ?

Theo Th. Friedman trong sách *Thế giới phẳng*, khi B. Clinton vào Nhà Trắng năm 1992 thì hầu như chưa ai ngoài Chính phủ và giới học giả có địa chỉ Email. Từ giữa thập niên 90 của thế kỉ XX thì mạng (web) xuất hiện và ngày càng phát triển. Đến 1998, internet và thương mại điện tử mới được vận dụng rộng rãi. Nhìn vào cuộc chạy đua này ở Việt Nam ta, sau hơn ba mươi năm chiến tranh và sau cái đói của thời bao cấp trĩu nặng những năm 1980 và đầu 1990, trong tương ứng với các thời điểm trên của nhân loại thì mới thấy bước đi của lịch sử ở ta kì diệu và thần tốc đến thế nào! Nếu đời sống là thế thì văn chương, nghệ thuật, học thuật cũng không thể khác. Phải một thế hệ trẻ, hoặc rất trẻ, không chỉ 8X mà còn là 9X – tiếp tục và thay thế các thế hệ trước – kể từ 3X, đã thực hiện xong sứ mệnh lịch sử của họ; một thế hệ vừa là sản phẩm của hoàn cảnh, lại vừa là chủ thể của hoàn cảnh, với bản lĩnh cá nhân và sức mạnh của đội ngũ, mới mong đưa đời sống văn học vào một bước ngoặt, mang tính cách mạng, như đã từng diễn ra ở nửa đầu thế kỉ XX.

Chắc chắn, chẳng phải chờ đợi lâu, thế kỉ XXI sẽ cho ta chứng kiến gương mặt mới của văn hóa - nghệ thuật, của văn chương - học thuật, trong những bất ngờ còn lớn hơn, “sừng sốt” hơn những bất ngờ đã diễn ra qua từng thập niên một của thế kỉ XX và 20 thế kỉ cộng lại.

Tài liệu tham khảo

Gale Research Inc. *Dictionary of Literary Biography* [Từ điển Tiểu sử Văn chương]. USA: Gale Cengage, 2005.

Hồ Anh Thái. *Đức Phật, nàng Savitri và tôi*. Đà Nẵng: NXB Đà Nẵng, 2007.

Marx, Karl và Friedrich Engels. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2017.

Nguyễn Minh Châu. *Di cảo*. Hà Nội: NXB Hà Nội, 2009.

Trần Lê Hoa Tranh. *Văn học di dân – Phác thảo diện mạo nữ nhà văn Việt Nam tại Hoa Kỳ*. Hà Nội: NXB Phụ nữ, 2019.

Trần Thiện Đạo. *Văn nghệ - những nụ cười giòn*. Hà Nội: NXB Hội Nhà văn, 2004.

Trương Đăng Dung. “Những giới hạn của lý thuyết văn học nước ngoài tại Việt Nam.” Tạp chí *Văn hóa Nghệ An*, ngày 28.3.2017.